

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 5 – 2025

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị B 1983.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Bị đơn: Anh Phan Thanh C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Dương Thị B1 và anh Phan Văn C1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, biên bản phiên họp, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị B1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị B1 và anh Phan Thanh C do mai mối nên tổ chức đám cưới năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 12/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đó đến nay, thời gian sống xa nhau không có hàn gắn tình cảm.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người cần có cuộc sống riêng nên chị Dương Thị B1 yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Triệu V 2005 và Phan Thiện M 08/12/2015.

Chị B2nhất giao cháu Phan Thiện M1 cho anh C được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị B5cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, chị B3cầu được quyền thăm nom con.

Đối với con chung tên Phan Triệu V 2005. Hiện nay, đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, biên bản phiên họp, bị đơn anh Phan Văn C1 trình bày.*

Về hôn nhân: Anh Phan Thanh C thống nhất, anh và chị do mai mối nên tổ chức đám cưới năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 12/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, tánh tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Anh chị đã cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được khiến cho mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến tình cảm trở nên phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc.

Nay anh Phan Thanh C đồng ý ly hôn với chị Dương Thị B1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Triệu V 2005 và Phan Thiện M 08/12/2015.

Anh Phan Thanh C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Phan Thiện M1 cho đến khi thành niên. Anh C không yêu cầu chị Bcấp D con. Đồng thời không cho chị B4quyền thăm nom con.

Đối với con chung tên Phan Triệu V 2005. Hiện nay, đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị B1 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh P V1C1 cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Dương Thị B1 và anh Phan Văn C1 vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị B1 và anh Phan Văn C1 là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Dương Thị B1 và anh Phan Văn C1 do mai mối nên chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn.

Xét thấy, chị Dương Thị B1 và anh Phan Văn C1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị B1 và anh Phan Văn C1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Triệu V 2005 và Phan Thiệu M 08/12/2015.

Hiện nay, Phan Triệu V 2005 đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Phan Thiệu M1, sinh ngày 08/12/2015. Anh C1 và chị B2 nhất anh C1 được quyền nuôi dưỡng cháu Phan Thiệu M1 cho đến khi thành niên. Điều này phù hợp với nguyện vọng ý kiến của cháu M2 muốn sống với anh C1 và tránh việc thay đổi môi trường sống của cháu nên cần tiếp tục giao cháu M3 anh C1 được nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp.

Anh C1 trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở chị B không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B5 phải cấp dưỡng nuôi con do anh C1 không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị B1 phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị B1.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị B1 và anh Phan Văn C1.

- Về con chung:

Hiện nay, Phan Triệu V 2005 đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Phan Thiện M 08/12/2015 cho anh Phan Văn C1 được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Dương Thị B3 cấp dưỡng nuôi con do anh Phan Văn C1 không yêu cầu.

Chị B6 quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Anh C1 trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở chị B không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Dương Thị B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005346 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Dương Thị B1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Văn C1 không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh